

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 43/2021/DS - PT

Ngày 07/5/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hùng

Các Thẩm phán: Bà Lê Thu Hương

Bà Lê Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hà - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:

Bà Lữ Thị Phương Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2021/TLPT-DS ngày 05/02/2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS - ST ngày 09/12/2020 của Toà án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 22/2021/QĐ-PT ngày 22 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị A- Sinh năm 1977. Có mặt.

Cư trú tại: Khu 4, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá.

- Bị đơn: Anh Đinh Quang T- Sinh năm 1984. Có mặt.

Cư trú tại: Khu 2, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: chị Hà Thị L- Sinh năm 1986, Cư trú tại: Khu 2, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt

- Người kháng cáo: Bị đơn anh Đinh Quang T. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Vũ Thị A trình bày:

Ngày 31/5/2015, chị có cho anh Đinh Quang T vay số tiền 20.000.000đ, lãi suất theo quy định Ngân hàng, thời hạn vay 01 tháng. Đến hạn, anh T không trả được, chị đã nhiều lần yêu cầu anh T trả nợ nhưng anh T không trả, kể từ khi vay anh T chưa trả cho chị đồng nào. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án buộc anh T phải trả cho chị số tiền gốc đã vay 20.000.000đ. Chị không yêu cầu anh T trả lãi.

** Bị đơn anh Đinh Quang T trình bày:* Ngày 31/5/2015, anh có vay của chị A 20.000.000đ. Lúc đầu, trong giấy cho vay chị A ghi là vay theo lãi suất quy định của pháp luật, nhưng đến thời điểm trả lãi, chị đòi anh phải trả lãi 2.000.000đ/tháng/20.000.000đ. Vì thấy lãi cao nên anh đã trả cả gốc và lãi cho chị A. Việc trả lãi cho chị A bằng tiền mặt nhiều lần, có vợ anh là Hà Thị Lỗi cùng, trả bằng tiền mặt tại nhà riêng của chị A. Số tiền mặt trả cho chị A tổng gốc và lãi là 30.000.000đ, nhưng vợ anh không lấy giấy vay tiền về, ngoài ra anh còn chuyển tiền cho chị A qua tài khoản ngân hàng (chưa kể những lần đem tiền mặt xuống nhà chị A). Anh đề nghị chị A rút đơn khởi kiện, nếu ảnh hưởng đến uy tín và cuộc sống của anh anh sẽ làm đơn tố cáo chị A xúc phạm danh dự và tội cho vay lãi nặng.

Tại bản án dân sự số 01/2020/DS-ST ngày 09/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mường Lát đã quyết định: Áp dụng: Điều 302, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự. Khoản 3 Điều 26; Điều 39; Điều 147; Điều 161; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 6 Điều 19, Điều, Điểm b, khoản, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, ngày 30/12/2016. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị A. Buộc anh Đinh Quang T phải trả cho chị Vũ Thị A 20.000.000đ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên lãi suất chậm trả, án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 31/12/2021, anh T làm đơn kháng cáo với nội dung: Tháng 5/2015 có vay của chị A 20.000.000đ, và đã trả cả lãi và gốc cho chị A qua chuyển khoản Mobi banking từ năm 2016, tổng là 27.000.000đ, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc chị A phải trả lại cho anh số tiền dư là 7.000.000đ.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Các đương sự không xuất trình chứng cứ nào mới.

- Ý kiến bị đơn anh Đinh Quang T: Số tiền 20.000.000đ mà chị A khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, anh đã trả hết cho chị A, việc trả nợ này thể hiện qua 06 chứng từ giao dịch, theo đó anh đã trả cho chị A 27.000.000đ, tuy nhiên, khi trả nợ xong anh không lấy lại giấy vay tiền từ chị A, Chị A không khởi kiện tất cả các khoản nợ trong cùng một vụ án, mà chỉ dựa vào các khoản anh đã trả qua chuyển khoản, anh khẳng định không có khoản nợ 27.000.000đ giữa anh và chị A, chị A trình bày khoản nợ 27.000.000đ là khoản

vay, trước khi có khoản vay ngày 31/5/2015 là không đúng thực tế, và chị A cũng không cung cấp được giấy vay nợ giữa anh và chị A đối với khoản nợ này.

- Ý kiến của nguyên đơn chị Vũ Thị A: Những khoản tiền anh T đã chuyển khoản cho chị, chị đều chấp nhận, khoản nào trả hết chị đều trả lại giấy nhận nợ cho anh T, đối với số tiền chuyển khoản 55.900.000đ (được chuyển khoản 14 lần) được trừ vào 02 giấy vay tiền 70.000.000đ, hiện nay anh T còn phải trả cho chị số tiền 14.100.000đ. Đối với số tiền 27.000.000đ, anh T vay trước ngày vay số tiền 20.000.000đ, sau khi trả xong chị đã trả giấy vay tiền cho anh T, khoản tiền này đã trả xong, chị không khởi kiện, hiện tại chị không giữ giấy vay tiền (vì giấy đã trả cho anh T) nên không thể giao nộp cho Tòa án.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến, tranh luận của các đương sự, và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Các đương sự đều thừa nhận có việc vay tiền giữa các bên với nhau, cụ thể: ngày 31/5/2015, chị A có cho anh T vay 20.000.000đ, Chị A cho rằng anh T chưa trả cho chị đồng nào, anh T cho rằng đã trả cho chị A qua chuyển khoản tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn chi nhánh huyện Mường Lát số tiền 27.000.000đ.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án yêu cầu Ngân hàng cung cấp giao dịch giữa các tài khoản, theo đó, anh T đã chuyển cho chị A số tiền 55.900.000đ, số tiền này chị A thừa nhận là anh T đã trả nợ cho số tiền 70.000.000đ anh T vay chị tại 02 giấy vay nợ, hiện nay anh T đang còn phải tiếp tục trả nợ cho chị A số tiền 14.100.000đ, ngoài ra anh T còn khai: ngoài trả nợ qua chuyển khoản, anh còn nhiều lần đến nhà riêng chị A để trả nợ bằng tiền mặt vào khoảng tháng 11/2015, số tiền lãi và gốc là 30.000.000đ. Chị Hà Thị L là vợ anh T thừa nhận ngày 16/8/2016 anh T có vay của chị A số tiền 30 triệu nhưng đã trả qua giao dịch chuyển khoản và SMS banking, còn số tiền 20.000.000đ chính tay chị, vào khoảng cuối năm 2015 đã cầm xuống trả cho chị A tận nhà thời điểm trước khi về nghỉ tết, trước khi trả số tiền gốc thì chị A yêu cầu trả lãi 2.000.000đ/tháng với số tiền gốc là 20.000.000đ.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm anh T cho rằng 20.000.000đ chị A khởi kiện anh đã trả hết, bằng việc chuyển khoản qua 06 chứng từ giao dịch, theo đó anh đã chuyển khoản cho chị A tổng số tiền là 27.000.000đ. Cụ thể: ngày

04/01/2016 anh T chuyển cho chị A 2.000.000đ; ngày 06/01/2016 chuyển 02 lần, mỗi lần 5.000.000đ; ngày 29/01/2016 chuyển 02 lần, mỗi lần 5.000.000đ; và ngày 20/02/2016 chuyển số tiền 5.000.000đ. Số tiền này chị A thừa nhận anh T chuyển khoản cho chị để trả nợ, tuy nhiên đây là khoản nợ anh T vay chị vào thời điểm năm 2015, trước ngày viết giấy vay nợ khoản 20.000.000đ khoảng 07-10 ngày, giấy nợ này chị đã trả cho anh T khi anh trả hết nợ nên chị không nhớ rõ cụ thể ngày.

[4] Như vậy, qua các tài liệu các đương sự cung cấp, tài liệu Tòa án cấp sơ thẩm thu thập có trong hồ sơ vụ án, các đương sự đều thừa nhận từ năm 2015, anh T nhiều lần vay tiền của chị A, mỗi lần vay anh T có viết giấy vay nợ. anh T cho rằng đến thời điểm hiện tại anh đã trả nợ hết cho chị A, còn đối với khoản nợ 20.000.000đ anh đã trả cho chị A 27.000.000đ, tuy đã trả nợ nhưng anh T không lấy lại giấy vay nợ từ chị A. Chị A cho rằng khoản 27.000.000đ anh T chuyển khoản cho chị là để trả khoản vay mà anh T vay của chị trước thời điểm 31/5/2015, sau khi trả hết khoản tiền này thì năm 2016 anh T nhiều lần vay tiền của chị, trong đó có 02 giấy vay tiền anh T chưa trả hết, chị đã khởi kiện tại Tòa án huyện Mường Lát, sau khi đối trừ số tiền anh T đã chuyển cho chị 55.900.000đ, còn lại anh T phải tiếp tục trả cho chị 14.100.000đ. Chị Hà Thị L – vợ anh T cho rằng số tiền 20.000.000đ anh T vay chị A, chị đã cầm tiền trả cho chị A 20.000.000đ tiền gốc tại nhà chị A. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T không có tài liệu chứng minh số tiền 27.000.000đ đã chuyển khoản cho chị A trả vào khoản nợ nào, chị Hà Thị L thì lại trình bày khoản 20.000.000đ anh T vay của chị A đã được chỉ trả bằng tiền mặt tại nhà chị A. Khi trả xong thì cả anh T và chị L đều không lấy giấy vay nợ từ chị A.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định kháng cáo của anh T cho rằng đã trả cho chị A hết số tiền 20.000.000đ đã vay của chị A ngày 31/5/2016, và yêu cầu chị A trả lại cho anh 7.000.000đ vì trả vượt quá số tiền đã vay là không có căn cứ pháp luật. Kháng cáo của Anh Đinh Quang T không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh Đinh Quang T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự. Khoản 1 Điều 29; điểm 2.1 khoản 2 mục II danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Đinh Quang T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 09/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Xử:

- Buộc anh Đinh Quang T phải trả cho chị Vũ Thị A số tiền 20.000.000đ.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân Sự.

- Án phí dân sự phúc thẩm: anh Đinh Quang T phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ tại biên lai thu số AA/2010/945 ngày 13/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát (anh T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm).

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Tòa án ND huyện Mường Lát;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Mường Lát;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thanh Hùng